TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: II ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: VŨ TRÀ GIANG

HỌC PHẦN: PPDH và UDCNTT trong DH tiểu học ..HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thực hành

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	7	8	9	8	8		8		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	9	8	8	7		7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	8	8	9	8	8		8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	10	8	9	7		8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	8	8	8	8	8		8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	8	9	9	9	7		8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	10	7	8	7		7		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	8	9	9	9	7		8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	9	9	9	9		9		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	0	0	0	0	0		0		Cấm thi
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	8	9	6	8	4		5		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	8	7	8	8	8		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	8	9	8	8	8		8		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	8	10	9	9	10		10		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	8	9	9	9	9		9		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	8	9	8	8	9		9		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	8	7	9	8	6		7		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	7	9	8	8	6		7		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	8	9	9	9	8		8		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	10	6	8	9		9		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	8	9	8	8	7		7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	10	9	9	2		4		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	9	8	8	6		7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	8	10	9	9	9		9		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	7	9	8	8	7		7		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	8	9	9	9	9		9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	7	8	7	7	7		7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7	9	7	8	6		7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	7	9	8	8	3		5		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	7	9	9	8	3		5		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	9	9	9	6		8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	8	10	9	9	9		9		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Văn	Oanh	7	9	9	8	2		4		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	7	9	5	7	1		3		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	0	0	0	0	0		0		Cấm thi
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	7	9	9	8	2		4		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	9	9	9	4		6		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	7	8	9	8	2		4		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8	9	9	9	6		7		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuý	8	10	9	9	9		9		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	9	7	8	8		8		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	7	9	9	8	2		4		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	8	10	8	9	1		4		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	8	9	7	8	5		6		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	9	9	9	6		7		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	7	9	9	8	8		8		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	8	9	9	9	9		9		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vịnh	0	0	0	0	0		0		Cấm thi
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	7	10	8	8	9		9		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	8	8	8	8	9		9		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	8	10	8	9	8		8		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	8	9	8	8	9		9		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	7	10	8	8	7		7		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 03

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 01 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 01 (Không)

Ngày 12 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Vũ Trà Giang	Ng. Bá Hùng	Lương Thị Hường		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: III ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Phạm Thị Duyên

HỌC PHẦN: Tư tưởng Hồ Chí Minh ...HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	10	7		9	3		5		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	7		8	4		5		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	7		8	3		5		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	10	6		8	3		5		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	6		8	0		(3)		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	7		8	3		5		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	9	7		8	2		(4)		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	8		9	2		(4)		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	7		8	3		5		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	\	\		\	\		\		KĐĐCT
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	6		8	2		(4)		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	7		8	3		5		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	6		8	1		(3)		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	10	7		9	4		6		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	6		8	1		(3)		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	6		8	1		(3)		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	7		8	4		5		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	9	7		8	4		5		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	8		9	3		5		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	10	8		9	3		5		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	7		8	2		(4)		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	6		8	3		5		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	9	6		8	3		5		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	6		8	3		5		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	10	7		9	3		5		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	10	7		9	4		6		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	7		8	3		5		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	9	6		8	1		(3)		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	7		8	3		5		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	9	7		8	0		(3)		VPCL, -10%
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	10	7		9	0		(3)		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	6		8	2		(4)		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	10	7		9	5		5		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	6		8	1		(3)		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	\	\		\	\		\		KĐĐCT
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX		Đ BP	L1	L2	L1	L2	
					A1	A2						
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	10	7		9	3		5		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	6		8	1		3		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	10	7		9	2		4		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10	8		9	1		4		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuý	9	6		8	3		5		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	7		8	4		5		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	9	6		8	1		3		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	6		8	1		3		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	9	6		8	3		5		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	10	6		8	1		3		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	10	8		9	5		6		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	10	7		9	3		5		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vịnh	\	\		\	\		\		KĐĐKT.
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	9	6		8	2		4		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	9	7		8	6		7		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	9	6		8	3		5		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	7		8	1		3		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	7		8	1		3		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** Không 3 (274; 301; 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Phạm Thị Duyên	Lưu Thị Lan	Phạm Thị Duyên		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 – GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 2 ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Mầu Thị Nguyệt Nga

HỌC PHẦN: P.P dạy học toán 1 ..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	8		8	5		6		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	8		8	6		7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	8		9	6		7		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	8		9	5		6		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	8		9	6		7		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	8		9	8		8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	7	7		7	3		(4)		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	10	9		10	6		7		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	4		6		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	\	\		\					KĐĐKT
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	8		9	3		5		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	8		9	7		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8		9	5		6		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	8		9	5		6		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	8		9	2		(4)		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	8		9	2		(4)		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	8		9	2		(4)		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	8		8	2		(4)		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	8		9	4		5		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		9	5		6		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	8		9	3		5		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	8		9	5		6		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	8		8	4		5		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	9		9	2		(3)		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	9	8		9	7		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	8		9	9		9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	8		9	2		(4)		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7	7		7	4		5		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	8		9	6		7		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	8	8		8	2		(4)		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	8		9	9		9		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	8		9	2		(4)		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	8		9	8		8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	8		9	4		6		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	\	\		\					KĐĐKT
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - **303**	Nguyễn Minh	Phượng	9	8		9	1		4		
40	K18 - **304**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	8		8	3		5		
41	K18 - **305**	Hoàng Linh	Thảo	7	7		7	5		6		
42	K18 - **306**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	10		10	9		9		
43	K18 - **307**	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - **308**	Ngô Thị Minh	Thuý	9	8		9	7		8		
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	8		9	7		8		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	7	7		7	2		4		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	9	8		9	1		4		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	9	8		9	1		4		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	9	8		9	0		3		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	9	8		9	8		8		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	9	8		9	8		8		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	\	\	\	\	\		\		KĐĐK.
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	9	8		9	2		4		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	9	8		9	9		9		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	6	6		6	3		4		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	9	8		9	7		8		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	4		6		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (274; 301; 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Mẫu T. Nguyệt Nga.		Nguyễn Phương Thảo		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 ~ KÌ:...3...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Vân Thương

HỌC PHẦN: Học hát HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Vấn đáp

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	9	7		8	7		7		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	8		9	7		8		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	6	7-8?	8	8		8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	8		9	9		9		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	8	7		8	7		7		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	7		8	8		8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	7	8		8	5		6		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	9		9	9		9		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	5		7	5		6		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/		/	/		/		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	5		7	7		7		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	8	5		7	6		6		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8		9	8		8		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	8	6		7	8		8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	7	5		6	8		7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	8	5		7	9		8		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	8	6		7	8		8		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	7	7		7	6		6		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	7	6		7	9		8		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	7		8	7		7		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	8	5		7	7		7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	7		8	6		7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	9	7		8	6		7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	8	5		7	7		7		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	9	7		8	8		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	9		9	9		9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	8		9	6		7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	9	6		8	7		7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8	6		7	7		7		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	9	5		7	8		8		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	9		9	7		8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	6		8	8		8		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	8	6		7	8		8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	7	5		6	5		5		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	/	/		/	/		/		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - **303**	Nguyễn Minh	Phượng	9	7		8	6		7		
40	K18 - **304**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	7		8	7		7		
41	K18 - **305**	Hoàng Linh	Thảo	8	5		7	8		8		
42	K18 - **306**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	6		8	8		8		
43	K18 - **307**	Nguyễn Thị Hồng	Thương	**BỎ HỌC**								
44	K18 - **308**	Ngô Thị Minh	Thuý	9	7		8	7		7		
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	6		7	6		6		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	**BỎ HỌC**								
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	8	6		7	6		6		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	**BỎ HỌC**								
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	9	8		9	6		7		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	9	5		7	7		7		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	8	6		7	7		7		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	9	5		7	6		6		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	9	6		8	8		8		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	/	/		/		/	/		Bỏ học
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	9	7		8	7		7		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	7	5		6	7		7		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	7	7		7	7		7		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	8	8		8	8		8		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	6		7	9		8		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	**BỎ HỌC**								
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: ~~53~~ 50 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** Không

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không một (287) **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** Không

Ngày 12 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Ng. Văn Thương	Nguyễn Nga Hường	Nguyễn T.P.Chung		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: III...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Phương Thảo

HỌC PHẦN: ĐHM LTXS và TK Toán HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	9		9	4		6		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	9		9	3		5		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	9		9	5		6		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	9		9	5		6		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	9		9	3		5		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	9		9	1		(4)		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	8		8	2		(4)		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	8	8		8	1		(3)		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	3		5		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/	/	/	/	/	/	/	Bỏ
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	9	9		9	3		5		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	6		8	1		(3)		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	9		9	3		5		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	9		9	3		5		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	9		9	2		(3)		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	9		9	5		6		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	9		9	2		(3)		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	9	9		9	2		(4)		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	8		9	3		5		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	9		9	2		(4)		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	9		9	2		(3)		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	9		9	3		5		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	9	9		9	3		5		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	9		9	3		5		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	9	9		9	4		6		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	9		9	4		6		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	9		9	4		6		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8	7		8	2		(4)		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	9		9	4		6		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	9	9		9	2		(3)		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	9		9	4		6		Lê
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	8		9	2		(3)		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	9		9	1		(4)		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	8	8		8	0		(3)		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	/	/	/	/	/	/	/	/	Bỏ
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - **303**	Nguyễn Minh	Phượng	9	8		9	0		(3)		
40	K18 - **304**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	9		9	0		(3)		
41	K18 - **305**	Hoàng Linh	Thảo	9	9		9	3		5		
42	K18 - **306**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	8		9	3		5		
43	K18 - **307**	Nguyễn Thị Hồng	Thương	**BỎ HỌC**								
44	K18 - **308**	Ngô Thị Minh	Thuý	9	9		9	8		8		
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	9		9	0		(3)		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	**BỎ HỌC**								
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	9	9		9	0		(3)		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	**BỎ HỌC**								
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	9	9		9	0		(3)		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	9	9		9	1		(4)		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	8	9		9	1		(4)		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	9	9		9	4		6		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	9	9		9	0		(3)		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	/	/	/	/	/	/	/	/	Bỏ
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	9	9		9	0		(3)		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	9	9		9	0		(3)		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	8	9		9	0		(3)		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	9	8		9	3		5		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	9		9	0		(3)		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	**BỎ HỌC**								
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 0

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 01.5.2947

Ngày 12 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN | CB CHẤM THI 1 | CB CHẤM THI 2 | CB KIỂM TRA | TP KHẢO THÍ & KĐCL

Nguyễn Phương Thảo

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 3 ....KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Ngọc Phương

HỌC PHẦN: P.P tổ chức công tác đội HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Thi vấn

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	9	8		9	4		6		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	8		9	3		5		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	8		9	7		8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	8		9	7		8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	8		9	6		7		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	8		9	6		7		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	4		6		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	10	9		10	5		7		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	9		9	4		6		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiển	/			/					K đủ ĐK
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	8		9	4		6		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	8		9	6		7		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8		9	5		6		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	8		9	7		8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	8		9	5		6		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	8		9	5		6		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	8		9	4		6		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	9	9		9	4		6		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	8		9	4		6		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		9	5		6		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	8		9	3		5		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	8		9	3		5		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	9	8		9	3		5		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	8		9	7		8		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	9	8		9	7		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	10	9		10	7		8		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	8		9	2		4		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	9	8		9	4		6		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	8		9	2		4		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	9	9		9	6		7		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	8		9	8		8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	8		9	5		6		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	8		9	8		8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	8		9	8		8		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	/			/					K đủ ĐK
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	10	8		9	6		7		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	10	8		9	4		6		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	9	8		9	8 5		8 6		K
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	8		9	4 8		6 8		K
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuỷ	9	9		9	8 4		8 6		K
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	8		9	8		8		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	9	8		9	7		8		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	8		9	4		6		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	9	8		9	3		5		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	8		9	5		6		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	9	8		9	8		8		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	9	8		9	8		8		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vinh	\			\					KĐĐKT
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	9	8		9	7		8		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	9	8		9	8		8		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	10	9		10	5		7		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	8		9	6		7		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	4		6		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (274, 301, 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: Không **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 03 < 305, 306, 308)

Ngày 12 *tháng* 1 *năm* 2018

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Ng Ngọc Hường	Ng Phương	Ng. Văn Thương		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 3 ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Hồng Thắng

HỌC PHẦN: Pháp luật đại cương ..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	8		8	6		7		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	8		8	5		6		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	8	8		8	7		7		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	8	8		8	6		7		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	8	8		8	3		5		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	8	8		8	3		5		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	8		8	4		5		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	9		9	7		8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	8		8	7		7		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/		/	/0		0		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	8	6		8	4		5		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	9		9	7		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	8	8		8	6		7		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	8	8		8	4		5		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	8	8		8	6		7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	8	8		8	2		4		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	8	8		8	7		7		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	7	8		8	4		5		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	8	8		8	3		5		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	8		8	5		6		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	8	8		8	6		7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	7		8	6		7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	8		8	3		5		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	8	8		8	5		6		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	8	8		8	5		6		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	9		9	7 6		7		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	7	7		7	7		7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8	8		8	4		5		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8	8		8	7		7		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	8	8		8	3		5		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	8		8	5		6		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	8	8		8	4		5		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Văn	Oanh	8	8		8	6		7		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	7	7		7	4		5		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	/	/		/	0		0		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - **303**	Nguyễn Minh	Phượng	8	8		8	5		6		
40	K18 - **304**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	8		8	5		6		
41	K18 - **305**	Hoàng Linh	Thảo	8	8		8	5		6		
42	K18 - **306**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	9		9	6		7		
43	K18 - **307**	Nguyễn Thị Hồng	Thương	**BỎ HỌC**								
44	K18 - **308**	Ngô Thị Minh	Thuỷ	8	8		8	6		7		
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8		8	5		6		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	**BỎ HỌC**								
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	8	8		8	4		5		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	**BỎ HỌC**								
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	8	8		8	4		5		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	8	8		8	7		7		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	8	8		8	6		7		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	9	9		9	7		8		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	8	8		8	7		7		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	\	\		\	0		0		Bỏ học
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	8	8		8	5		6		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	8	8		8	6		7		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	8	8		8	6		7		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	8	8		8	5		6		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	8		8	4		5		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	**BỎ HỌC**								
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 03

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** (01: SBD 291)

Ngày 12 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn Thị Hồng Thương	Ng T. Hồng Thắng	Lý T. Phương		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 – GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ:.....KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: ...Nguyễn Ngọc Phương.....

HỌC PHẦN: Thực hành CTĐ và sao.....HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: KT

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	9	7						8		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	6						8		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	7						8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	7						8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	7						8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	6						8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	9	6						8		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	10	7						9		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	7						8		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/						/		KĐĐKT
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	6						8		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	6						8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	7						8		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	7						8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	7						8		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	6						8		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	6						8		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	9	7						8		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	7						8		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	6						8		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	6						8		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	6						8		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	9	7						8		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	7						8		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	9	6						8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC									
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	10	7						9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	6						8		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	9	6						8		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	7						8		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	9	7						8		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	6						8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	6						8		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC									
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	6						8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	6						8		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương		/						/		KĐĐKT
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC									
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	9	7						8		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	7						8		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	9	6						8		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	7						8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuý	9	7						8		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX A1	A2	A3	A4	A5	A6	L1	L2	
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	6						8		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC									
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	9	6						8		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC									
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	6						8		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	9	6						8		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	7						8		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	9	6						8		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	9	6						8		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vịnh		/						/		(KĐBHCT)
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	9	6						8		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	9	6						8		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	10	7						9		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	7						8		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	7						8		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC									
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang										
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức										
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa										

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (274, 301, 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 1 chung **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 1 chung

Ngày 12 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL

Nguyễn Nga Phương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ:...3..KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Lê Thị Thanh Nhàn

HỌC PHẦN: Lý luận giáo dục tiểu học HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	9	8		9	7		8		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	7		8	6		7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	7		8	6		7		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	10	8		9	8		8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	7		8	8		8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	7		8	8		8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	7		8	8		8		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	10	9		10	8		9		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	7		8	7		7		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	\	\		\	\		\		KĐSCT
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hình	9	8		9	6		7		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	8		9	5		6		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	10	7		9	7		8		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	9		9	9		9		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	7		8	7		7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	7		8	7		7		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	10	7		9	9		9		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	7		8	7		7		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	7		8	5		6		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		9	8		8		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	8		9	7		8		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	7		8	5		6		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	7		8	8		8		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	7		8	8		8		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	8	7		8	8		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mẫu Thị Phương	Linh	9	8		9	7		8		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	7		8	4		5		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8	7		8	7		7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	8		9	8		8		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	8	7		8	8		8		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	8		8	6		7		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	8		9	6		7		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	8		9	5		6		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	9	8		9	8		8		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	\	\		\					Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - **303**	Nguyễn Minh	Phượng	8	7		8	7		7		
40	K18 - **304**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	7		8	3		5		
41	K18 - **305**	Hoàng Linh	Thảo	9	7		8	8		8		
42	K18 - **306**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	7		8	8		8		
43	K18 - **307**	Nguyễn Thị Hồng	Thương	**BỎ HỌC**								
44	K18 - **308**	Ngô Thị Minh	Thuý	10	8		9	4		6		
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	9		9	7		8		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	**BỎ HỌC**								
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	8	7		8	5		6		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	**BỎ HỌC**								
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	10	7		9	6		7		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	9	7		8	8		8		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	9	7		8	7		7		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	9	8		9	7		8		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	9	8		9	8		8		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	\	\		\	\		\		KĐĐKT
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	9	6		8	7		7		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	9	8		9	9		9		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	5	7		6	5		5		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	10	7		9	7		8		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	8		8		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	**BỎ HỌC**								
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 49/50 **Số sinh viên không được dự thi:** 3 (274; 301; 318)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 3 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 12 *tháng* 1 *năm* 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Lê T. Thanh Thảo	Lê T. Thanh Thảo	Nguyễn Thị Mai Hiên		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Nguyễn Thị Thu

HỌC PHẦN: Giáo dục thể chất HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	7		7	6		6		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	8		8	6		7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	8	8		8	7		7		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	9		9	7		8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	9	9		9	7		8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	8	8		8	8		8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	7		7	6		6		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	9		9	7		8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	7		7	4		5		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/		/	/		/		bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	8		8	6		7		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	8	7		7	7		7		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8		8	7		7		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	8		8	8		8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	8		8	6		7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	8	7		7	8		8		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	8		8	7		7		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	7		7	5		6		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	8	7		7	5		6		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		8	5		6		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	8	7		7	6		6		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	7		7	7		7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	9	8		8	7		7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	9		9	7		8		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	8	7		7	8		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ					BỎ HỌC				
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	9		9	9		9		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	9	10		10	6		7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	8	7		7	5		6		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	10		10	8		9		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	8	7		7	2		4		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	7		7	7		7		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	10		10	6		7		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh					BỎ HỌC				
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	8	7		7	4		5		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	7	7		7	5		6		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	1	1		1	/		/		bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương					BỎ HỌC				

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	8	7		7	3		4		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	8		8	5		6		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	8	7		7	2		4		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8	8		8	9		9		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC								
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuý	8	8		8	5		6		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8		8	6		7		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC								
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	8	7		7	2		4		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC								
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	8	7		7	5		6		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	8	8		8	7		7		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	8		8	1		3		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	9	9		9	5		6		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	8	7		7	6		6		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vịnh	/	/		/	/		/		bỏ học
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	9	10		10	2		5		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	8	8		8	8		8		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	8	8		8	4		5		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	9		9	6		7		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	8		8	4		5		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC								
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 48 **Số sinh viên không được dự thi:** (274, 301, 218)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Ng. Hữu Hiếu	Hồ T. Hly	Đường Đình Chuyên		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 – GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: III ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: ...Đào Thị Hồng Vân.....

HỌC PHẦN: ...Vẽ trang trí..... HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: ...KTra.

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	7	7	7					7		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	8	7	7					7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	8	7	8					8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	8	8	8					8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	8	7	8					8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	8	7	8					8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	7	8	8					8		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	8	8	7					8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	7	8					8		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	/	/	/					/		Nghỉ?
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	8	8	8					8		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	8	6	6					7		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	8	8	8					8		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	8	7	8					8		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	8	8	8					8		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	8	7	7					7		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	8	8	7					8		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	7	7					7		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	8	8	8					8		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	8	8					8		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	8	7	8					8		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	8	7	6					7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	8	7	7					7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	8	7	8					8		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	8	7	7					7		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC									
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	8	8	8					8		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	8	7	7					7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7	7	7					7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	8	8	9					8		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	7	7	7					7		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	8	8					8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	8	8	8					8		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC									
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	8	8	7					8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	6	8	7					7		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	7	8	8					8		
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC									
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	7	8	8					8		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	8	8					8		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	7	8	8					8		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8	8	7					8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	BỎ HỌC									
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuý	7	8	7					7		

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN							ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	ĐIỂM KTTX						L1	L2	
					A1	A2	A3	A4	A5	A6			
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	8	8					8		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	BỎ HỌC									
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	8	8	8					8		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	BỎ HỌC									
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	8	8	8					8		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	8	7	7					7		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	8	8	8					8		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	8	8	8					8		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	8	8	8					8		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	/	/	/					/		Nghỉ
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	8	7	7					7		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	7	7	7					7		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	7	8	8					8		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	8	8	8					8		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	8	6	8					7		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	BỎ HỌC									
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang										
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức										
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa										

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 51 **Số sinh viên không được dự thi:** 02 (318, 274)

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 12 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Đào Văn	Đào Văn			

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 3 ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Giáng Thị Linh

HỌC PHẦN: Giáo dục môi trường ...HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	5	8		7	4		5		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	9	8		9	4		6		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	7		8	3		5		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	9		9	5		6		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	7	8		8	6		7		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	7		8	6		7		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	9	7		8	4		5		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	8		9	6		7		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	5		6		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	-	-		-	-		-		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	8		9	4		6		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	9	8		9	8		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8		9	5		6		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	10	9		10	6		7		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	8		9	5		6		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	7		8	4		5		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	7		8	5		6		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	9	5		7	4		5		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	9	7		8	5		6		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8		9	6		7		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	8		9	5		6		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	9	8		9	4		6		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	5	8		7	6		6		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	7	8		8	7		7		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	7	8		8	5		6		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	-	-		-	-		-		Bỏ học
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	8		9	6		7		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	7	7		7	5		6		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7	8		8	5		6		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	8		9	6		7		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	7	8		8	4		5		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	8		9	8		8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	8		9	5		6		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	-	-		-	-		-		Bỏ học
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	7		8	8		8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	4	8		6	3		(4)		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	-	-		-	-		-		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	-	-		-	-		-		Bỏ học

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	5	8		7	2		(4)		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	5		7	4		5		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	7	6		7	4		5		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	7	8		8	8		8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	-	-		-	-		-		Bỏ học
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuỷ	9	8		9	4		6		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	8		9	6		7		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	-	-		-	-		-		Bỏ học
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	2	8		5	0		(2)		Vắng L1 KP
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	-	-		-	-		-		Bỏ học
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	8		7	3		(4)		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	9	8		9	5		6		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	9	7		8	0		(3)		VPSCL4
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	9	9		9	9		9		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	9	8		9	6		7		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vịnh	-	-		-	-		-		Bỏ học
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	9	8		9	5		6		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	7	5		6	9		9		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	9	8		9	6		7		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	9	7		8	4		5		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	5		6		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải									Bỏ học
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 63 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50 **Số sinh viên không được dự thi:** 0

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 0 **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** 0

Ngày 13 tháng 1 năm 20..16

GIÁO VIÊN BỘ MÔN CB CHẤM THI 1 CB CHẤM THI 2 CB KIỂM TRA TP KHẢO THÍ & KĐCL

Lương Thị Linh Nguyễn Hữu Chinh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: II ....KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Bùi Thuý Loan

HỌC PHẦN: Phương pháp thực hành HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	7	7		7	8		8		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	7	7		7	9		8		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	9	8		9	9		9		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	8	7		8	7		7		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	7	7		7	6		6		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	7	7		7	7		7		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	9	8		9	9		9		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	8		9	8		8		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	7	7		7	7		7		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	-	-		-	-		-		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	7	7		7	7		7		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	7	7		8 8	8		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	7	7		7	7		7		
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	8		9	9		9		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	7	7		7	7		7		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	7	7		7	7		7		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	8	8		8	7		7		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	6	7		7	7		7		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	6	7		7	8		8		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	8	7		8	7		7		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	7	7		7	7		7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	7	7		7	7		7		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	7	7		7	7		7		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	8		9	9		9		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	6	7		7	8		8		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	BỎ HỌC								
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	8	7		8	7		7		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	7	7		7	7		7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	6	7		7	8		8		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	8		9	9		9		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	6	7		7	6		6		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	8	8		8	8		8		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	7	7		7	5		(6)		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	BỎ HỌC								
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	7	7		7	5		6		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	6	7		7	6		6		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	-	-		-	-		-		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	BỎ HỌC								

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - **303**	Nguyễn Minh	Phượng	6	7		7	7		7		
40	K18 - **304**	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	9	8		9	8		8		
41	K18 - **305**	Hoàng Linh	Thảo	7	7		7	8		8		
42	K18 - **306**	Nguyễn Thị Phương	Thảo	9	8		9	9		9		
43	K18 - **307**	Nguyễn Thị Hồng	Thương	**BỎ HỌC**								
44	K18 - **308**	Ngô Thị Minh	Thuý	8	7		8	6		7		
45	K18 - **309**	Nguyễn Thị Thu	Thủy	8	7		8	7		7		
46	K18 - **310**	Nguyễn Thị	Trang	**BỎ HỌC**								
47	K18 - **311**	Phạm Thị Huyền	Trang	6	7		7	6		6		
48	K18 - **312**	Trần Thị Huyền	Trang	**BỎ HỌC**								
49	K18 - **313**	Ngô Thị Việt	Trinh	9	8		9	8		8		
50	K18 - **314**	Trần Bảo	Trinh	9	8		9	9		9		
51	K18 - **315**	Đặng Thị	Tuyết	8	8		8	6		7		
52	K18 - **316**	Nguyễn Thị	Tuyết	9	8		9	9		9		
53	K18 - **317**	Vũ Thị	Vân	8	7		8	7		8		
54	K18 - **318**	Trần Thị	Vịnh	x	x		✓	✓		x		Bỏ học
55	K18 - **319**	Đỗ Thị	Yến	9	8		9	8		8		
56	K18 - **320**	Lưu Thị	Yến	8	7		8	8		8		
57	K18 - **321**	Nguyễn Hải	Yến	6	7		7	8		8		
58	K18 - **322**	Nguyễn Thị	Yến	8	7		8	8		8		
59	K18 - **323**	Nguyễn Thị Hải	Yến	9	8		9	9		9		
60	K18 - **324**	Nguyễn Thị	Hải	**BỎ HỌC**								
61	K18 - **325**	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - **326**	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - **327**	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 53 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: 50.183 **Số sinh viên không được dự thi:** 03 (274, 304, 318).

Số lỗi sửa chữa ĐBP: 01 (276) **Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** Không

Ngày 13 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Trần Thúy Loan	Trần Thúy Loan	Trần Hồng		

TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH PHÚC

SỔ ĐIỂM BỘ MÔN

LỚP: K18 - GIÁO DỤC TIỂU HỌC A3 KÌ: 3 ...KHÓA HỌC 2014 - 2017

HỌ VÀ TÊN GIẢNG VIÊN: Ngô Mỹ Thang

HỌC PHẦN: Tiếng Anh 3 HÌNH THỨC THI, KIỂM TRA: Viết

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
1	K18 - 265	Phạm Thị	Ánh	8	8	8	8	9		9		
2	K18 - 266	Dương Thị Thùy	Dung	7	7	8	7	7		7		
3	K18 - 267	Nguyễn Thị Thu	Giang	8	8	8	8	8		8		
4	K18 - 268	Phùng Thị	Hà	9	8	8	8	8		8		
5	K18 - 269	Trần Thị	Hà	8	8	8	8	8		8		
6	K18 - 270	Lê Thị	Hằng	9	8	8	8	8		8		
7	K18 - 271	Nguyễn Thị	Hằng	8	8	8	8	7		7		05/10/1994
8	K18 - 272	Phan Thị	Hằng	9	8	8	8	9		9		
9	K18 - 273	Nguyễn Thị	Hằng	8	8	8	8	7		7		29/10/1995
10	K18 - 274	Nguyễn Văn	Hiền	x	x	x	x	x		x		Bỏ học
11	K18 - 275	Nguyễn Thị Mai	Hinh	9	8	8	8	7		7		
12	K18 - 276	Nguyễn Thị	Hoa	7	7	8	7	8		8		
13	K18 - 277	Trần Thị	Hoàn	9	8	8	8	X7		7		Qu
14	K18 - 278	Lê Thị	Huế	9	8	8	8	7		7		
15	K18 - 279	Lưu Thị	Huệ	9	8	8	8	8		8		
16	K18 - 280	Phạm Thị	Huệ	9	8	8	8	8		8		
17	K18 - 281	Đỗ Thị Thu	Hương	9	8	8	8	8		8		
18	K18 - 282	Nguyễn Thị	Hương	8	7	7	7	6		6		
19	K18 - 283	Phùng Thị Thu	Hương	7	7	7	7	7		7		
20	K18 - 284	Nguyễn Thị Thu	Hường	9	8	8	8	8		8		
21	K18 - 285	Hà Thị Thu	Huyền	9	8	8	8	7		7		
22	K18 - 286	Lê Thị Thu	Huyền	7	7	7	7	8		8		
23	K18 - 287	Nguyễn Thị	Huyền	7	7	7	7	8		8		
24	K18 - 288	Lưu Thị Long	Lan	9	8	8	8	7		7		
25	K18 - 289	Trần Thị Ngọc	Lan	7	7	7	7	7		7		
26	K18 - 290	Phùng Nhật	Lệ	x	x	x	x	x		x		Bỏ học
27	K18 - 291	Mầu Thị Phương	Linh	9	9	9	9	8		8		
28	K18 - 292	Trịnh Thị	Linh	7	7	7	7	7		7		
29	K18 - 293	Nguyễn Thị Thanh	Mai	7	7	7	7	7		7		
30	K18 - 294	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	9	8	8	8	8		8		
31	K18 - 295	Phan Thị Bích	Ngọc	8	8	8	8	8		8		
32	K18 - 296	Dương Thị	Nhung	9	8	8	8	6		7		
33	K18 - 297	Trần Thị	Nhung	9	8	8	8	7		7		
34	K18 - 298	Lê Thị	Ninh	x	x	x	x	x		x		Bỏ học
35	K18 - 299	Đinh Vân	Oanh	9	8	8	8	8		8		
36	K18 - 300	Trương Thị	Phong	7	7	7	7	6		6		
37	K18 - 301	Lục Thị	Phương	x	x	x	x	x		x		Bỏ học
38	K18 - 302	Nguyễn Thị Thu	Phương	x	x	x	x	x		x		Bỏ học

TT	SBD (Mã số SV)	HỌ VÀ TÊN		ĐIỂM BỘ PHẬN				ĐTHP		ĐHP		GHI CHÚ
				Đ CC	Đ. KTTX A1	Đ. KTTX A2	Đ BP	L1	L2	L1	L2	
39	K18 - 303	Nguyễn Minh	Phượng	7	7	7	7	7		7		
40	K18 - 304	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	8	8	8	8	8		8		
41	K18 - 305	Hoàng Linh	Thảo	8	8	8	8	8		8		
42	K18 - 306	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8	8	8	8	8		8		
43	K18 - 307	Nguyễn Thị Hồng	Thương	x	x	x	x	x		x		bỏ học
44	K18 - 308	Ngô Thị Minh	Thuý	9	8	8	8	7		7		
45	K18 - 309	Nguyễn Thị Thu	Thủy	9	8	8	8	8		8		
46	K18 - 310	Nguyễn Thị	Trang	x	x	x	x	x		x		bỏ học
47	K18 - 311	Phạm Thị Huyền	Trang	7	7	7	7	7		7		
48	K18 - 312	Trần Thị Huyền	Trang	x	x	x	x	x		x		bỏ
49	K18 - 313	Ngô Thị Việt	Trinh	9	8	8	8	7		7		
50	K18 - 314	Trần Bảo	Trinh	7	7	7	7	6		6		
51	K18 - 315	Đặng Thị	Tuyết	8	8	8	8	8		8		
52	K18 - 316	Nguyễn Thị	Tuyết	7	7	7	7	7		7		
53	K18 - 317	Vũ Thị	Vân	7	7	7	7	8		8		
54	K18 - 318	Trần Thị	Vịnh	x	x	x	x	x		x		bỏ học
55	K18 - 319	Đỗ Thị	Yến	7	7	7	7	8		8		
56	K18 - 320	Lưu Thị	Yến	9	8	8	8	7		7		
57	K18 - 321	Nguyễn Hải	Yến	7	7	7	7	8		8		
58	K18 - 322	Nguyễn Thị	Yến	7	7	7	7	8		8		
59	K18 - 323	Nguyễn Thị Hải	Yến	7	7	7	7	8		8		
60	K18 - 324	Nguyễn Thị	Hải									
61	K18 - 325	Nguyễn Thị Kiều	Chang									
62	K18 - 326	Trần Xuân	Đức									
63	K18 - 327	Lê Thị Thanh	Hoa									

Ấn định danh sách lớp có: 63 sinh viên đang theo học.

Số sinh viên được dự thi: .....SD..... **Số sinh viên không được dự thi:** .....

Số lỗi sửa chữa ĐBP: .....**Số lỗi sửa chữa ĐTHP, ĐHP** .21(K18-277).....

Ngày 13 tháng 1 năm 2016

GIÁO VIÊN BỘ MÔN	CB CHẤM THI 1	CB CHẤM THI 2	CB KIỂM TRA	TP KHẢO THÍ & KĐCL
Nguyễn Minh Thắng	Nguyễn Minh Thắng	Đoàn Việt Phương		
	Chu Thị Ngọn	Vũ Quỳnh Hoa		